LÀO — KHÁM MUỘN

BẢN NAXAO

RANH GIỚI HÀNH CHÍNH VỀ NHẬP

MẶT **SỐ HIỆU 6045 III**

LOẠI L7015

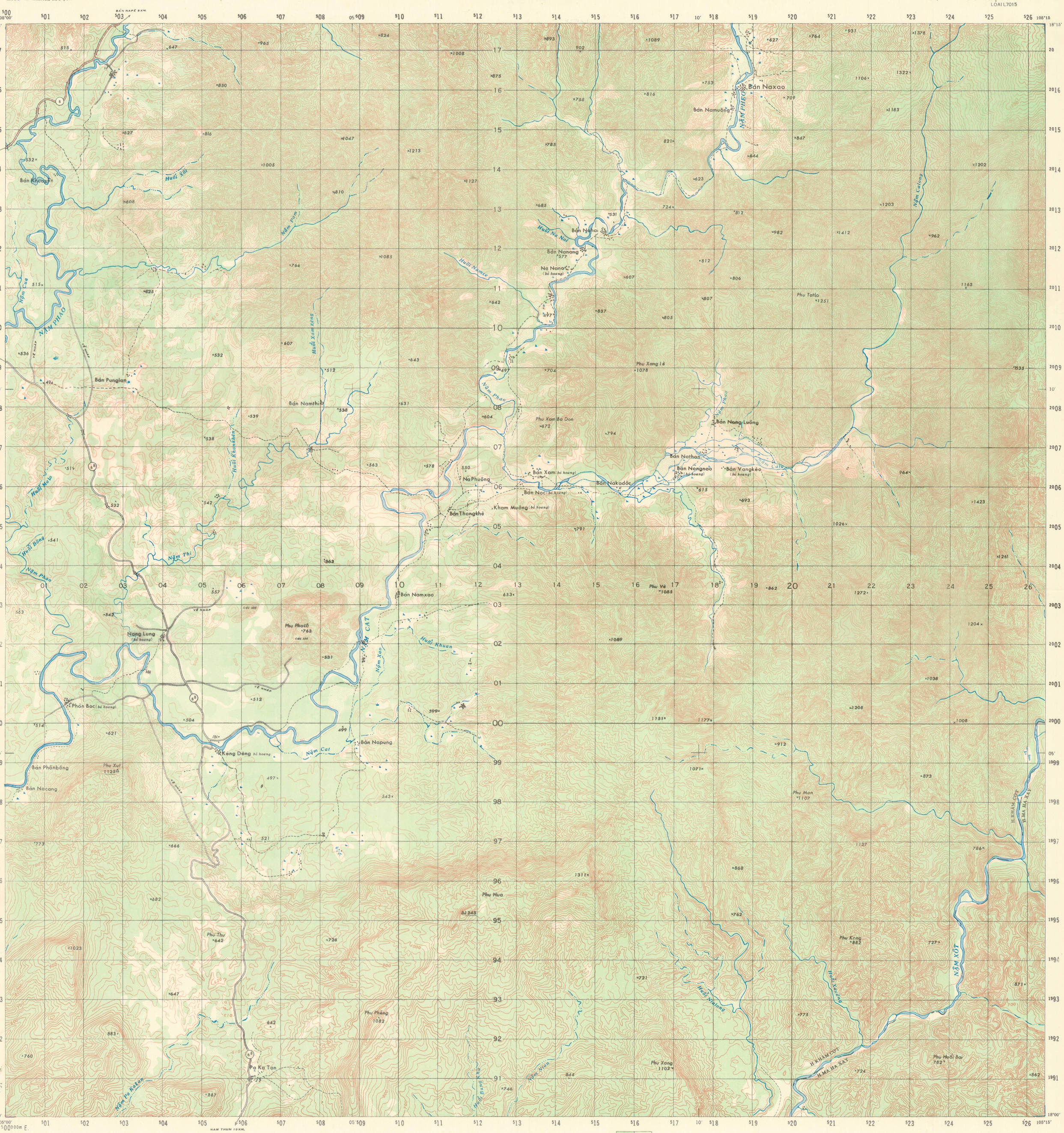

Đường trục rải nhựa, đá. Tên đường
Đường nhánh rải nhựa, đá
Đường đất, Tên đường
Đường đất nhỏ, Đường mòn
Đường sắt kép, Ga trạm
Đường sắt đơn, Đường goòng
Tường, Bờ đắp
Cầu lớn, Cầu nhỏ
Phà, Chỗ lội qua được

Biên giới nước
Ranh giới tỉnh
Ranh giới huyện quận
Tỉnh lỵ, Huyện lỵ
Lô cốt, Chìm, nổi, Hang động
Trạm vô tuyến, Trạm khí tượng, Hầm mỏ
Nghĩa địa
×246 Độ cao đã kiểm tra, chưa kiểm tra
Sân bay: Dùng quanh năm, từng mùa

Thôn xóm, Khu nhà cháy lửa
Nhà thờ, Trường, Đồn, Tàn tích
Đền miếu, Chùa, Am
Kênh, mương dào, Rộng dưới 18m, Trên 18m
Hồ ao, Có nước quanh năm, Từng mùa
Đập xây, Đập đất
Ghềnh chảy mạnh, Thác lớn, Thác nhỏ
Ruộng muối
Bể nước, Giếng, Nguồn

1:50000

1 CM BẰNG 500 M THỰC ĐỊA

1000 M 500 0 1 2 KM

KHOẢNG CAO ĐỀU CỦA ĐƯỜNG BÌNH ĐỒ CƠ BẢN LÀ 20 M

HỆ CHIẾU HÌNH ..... U.T.M
THỂ BẦU DỤC QUA ĐẤT ..... ÉVÉRÉT
GỐC ĐẠI ĐỊA ..... ẤN ĐỘ 1960
GỐC ĐỘ CAO MẶT NƯỚC BIỂN TRUNG BÌNH TẠI HÀ TIÊN

Rừng già, Rừng thưa
Bụi rậm, Đồn điền
Chè, Cà phê
Cao su, Cọ
Thông, Tre
Dừa nước, Bãi bồn
Đất có thể lụt, Đồng cỏ
Ruộng lúa, Đồng lầy
Vùng đá vôi hay đá

0°28' (0-08,0-08)
0°02' (0-01,0-01)
0°30' (0-08,0-09)
Trị số góc lệch nam châm đo năm 1965

BẢNG CHẮP

5945 I	6045 IV	6045 I L.7014
5945 II	6045 III	6045 II
5944 I	6044 IV	6044 I

CỤC BẢN ĐỒ-BỘ TỔNG THAM MƯU-Q.Đ.N.D.V.N
In lần thứ hai năm 1985 theo 1:50000 U.T.M in năm 1965.
Chỉnh lý theo 1:100000 U.T.M in năm 1983.

BẢN NAXAO 6045 III